

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1826/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ (lần 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-TNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Phú Thọ: số 3568/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ; số 936/QĐ-UBND ngày 09/05/2023 về việc duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ (lần 1);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của UBND huyện Phù Ninh (Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 23/8/2023) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 506/TTr-TNMT ngày 25/8/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phù Ninh (lần 2) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp 11.324,67 ha, giảm 36,63 ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

- + Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa 2.815,92 ha, giảm 13,33 ha.
- + Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác 1.724,60 ha, giảm 9,57 ha.
- + Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm 3.608,36 ha, giảm 7,95 ha.
- + Điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất 2.654,39 ha, giảm 5,06 ha.
- + Điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản 361,20 ha, giảm 0,72 ha.
- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp 4.359,74 ha, tăng 38,14 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt, cụ thể:
 - + Điều chỉnh diện tích đất cụm công nghiệp 121,12 ha, giảm 1,37 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 219,60 ha, tăng 0,72 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng 2.162,23 ha, tăng 37,65 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích đất ở tại nông thôn 767,04 ha, tăng 1,65 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích đất ở đô thị 130,98 ha, giảm 0,50 ha.
 - + Điều chỉnh diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan 11,80 ha, giảm 0,01 ha.
 - Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng 52,56 ha, giảm 1,51 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (lần 1) của UBND huyện Phù Ninh đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

Biểu 01. Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phù Ninh

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDĐ 2023 được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh KHSDĐ 2023 (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)		(4)=(5)+(6)+...	
	Tổng diện tích đất tự nhiên		15.736,97	15.736,97	
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.361,29	11.324,67	-36,63
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.829,25	2.815,92	-13,33
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.799,94</i>	<i>1.793,09</i>	<i>-6,85</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.734,17	1.724,60	-9,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.616,30	3.608,36	-7,95
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	76,53	76,53	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	24,04	24,04	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.659,45	2.654,39	-5,06
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	361,92	361,20	-0,72
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	59,62	59,62	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.321,60	4.359,74	38,14

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDĐ 2023 được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh KHSDĐ 2023 (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)		(4)=(5)+(6)+...	
	<i>Trong đó</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	90,19	90,19	
2.2	Đất an ninh	CAN	23,28	23,28	
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	122,49	121,12	-1,37
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	55,92	55,92	
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	218,88	219,60	0,72
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	8,27	8,27	
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	17,08	17,08	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.124,58	2.162,23	37,65
	<i>Trong đó</i>				
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	1.137,50	1.156,02	18,52
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	404,27	421,87	17,60
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	8,01	8,01	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	5,33	5,33	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	63,75	63,75	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	17,04	17,04	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	46,76	48,18	1,42
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	0,76	0,76	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>		0,12	0,12
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	80,98	80,98	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	13,91	13,91	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	334,15	334,13	-0,02
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	2,86	2,86	
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	5,64	5,64	
-	<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>DSK</i>	2,43	2,43	
-	<i>Đất công trình công cộng khác</i>	<i>DCK</i>	1,22	1,22	
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,99	15,99	
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	30,58	30,58	
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	765,40	767,04	1,65
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	131,48	130,98	-0,50
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,81	11,80	-0,01
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,55	2,55	
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,79	4,79	
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	660,75	660,75	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KHSDĐ 2023 được duyệt (ha)	Diện tích điều chỉnh KHSDĐ 2023 (ha)	Số sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)		(4)=(5)+(6)+...	
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	37,58	37,58	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	54,07	52,56	-1,51

2. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Tổng số có 23 công trình, dự án, trong đó: 14 dự án bổ sung mới; 09 dự án điều chỉnh.

(Chi tiết theo phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo quy định; tham mưu thực hiện việc thu hồi, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND huyện Phù Ninh có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, UBND huyện Phù Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Phan Trọng Tấn;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, TN2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

STT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Lấy vào các loại đất																	Địa điểm	Căn cứ pháp lý				
			LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKC	SKS	CAN	DGT	DTL	DVH	ONT	ODT	TSC	NTD			CSD			
4	Nâng cao năng lực truyền tải mạch vòng 22KV giữa lộ 471 trạm 110KV Phú Thọ và lộ 472 trạm 110KV Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ	0,09	0,02	0,01	0,04	0,02																	Xã Tiên Phú, xã Trung Giáp	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
5	Chống quá tải lưới điện phân phối huyện Phú Ninh (năm 2019)	0,29	0,06	0,03	0,10	0,10																	TT Phong Châu, xã Liên Hoa, Trì Quận, Trám Thán, Tiên Phú	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
6	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng, cải thiện chất lượng điện áp lưới điện khu vực huyện Phú Ninh năm 2024	0,14	0,03	0,02	0,03	0,06																	Xã Phú Ninh, Hà Giáp, Báo Thanh	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
7	Dự án cải tạo, mở rộng cơ sở điều trị nghiên ma túy tỉnh Phú Thọ (đường dây 33KV và TBA 180KVA - (10)22/0,4 KV)	0,013	0,002					0,001													0,008		0,0004	Xã Trì Quận	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ
8	Xuất tuyến 22KV lộ 472,474 trạm 110KV Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ	0,06	0,04		0,01																			Huyện Phú Ninh	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ
9	Chống quá tải TBA Phú Mỹ 7, An Đạo 7, TBA Phong Châu 1-TT Phong Châu, TBA Trì Quận 2, Liên Hoa 1, Liên Hoa 2.	0,05	0,02	0,01	0,02																			Các xã huyện Phú Ninh	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ

STT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Lấy vào các loại đất																	Địa điểm	Căn cứ pháp lý				
			LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKC	SKS	CAN	DGT	DTL	DVH	ONT	ODT	TSC	NTD			CSD			
V	Đất thủy lợi																								
10	Dự án Trạm bơm tiêu Bình Bộ huyện Phù Ninh	15,78	0,49	5,06	8,89	0,04	0,01	1,28															Huyện Phù Ninh	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
VI	Đất di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh																								
11	Xây dựng Bia lịch sử tại ấp Cẩm Sơn, xã Liên Hoa	0,12		0,02	0,02	0,06		0,02															Xã Liên Hoa	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ	
VII	Các dự án xen ghép, chuyển đổi trong khu dân cư																								
12	Giao đất cho nhân dân làm nhà ở xen ghép trong các khu dân cư	0,60	0,16	0,26	0,18																		xã Phù Ninh	Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2020	
13	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở	0,56			0,09	0,42		0,05															Các xã, thị trấn	Quy hoạch sử dụng đất huyện Phù Ninh giai đoạn 2021-2030.	
VIII	Các dự án không thu hồi đất đưa vào kế hoạch để thực hiện																								
14	Giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp tại địa phương để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề	0,93			0,36	0,12																	0,45	Các xã, thị trấn	Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh, tập trung rà soát trước đối với thị trấn Phong Châu và trung tâm các xã trên địa bàn huyện

STT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Lấy vào các loại đất																	Địa điểm	Căn cứ pháp lý			
			LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKC	SKS	CAN	DGT	DTL	DVH	ONT	ODT	TSC	NTD			CSD		
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KHSDD 2023 (9 dự án)																							
I	Đất cụm công nghiệp																							
1	Đầu tư kinh doanh hạ tầng sản xuất công nghiệp và dịch vụ Cụm công nghiệp Từ Đà - An Đạo	9,50	4,06		1,85	1,41	0,17						1,08	0,43			0,30					0,20	Xã Bình Phú, An Đạo huyện Phù Ninh	Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 đã thông qua tên dự án: Mở rộng cụm công nghiệp Từ Đà - An Đạo; tổng diện tích 10,87ha (trong đó: 1,9ha đất lúa và 8,97ha đất khác). Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 điều chỉnh tên dự án và điều chỉnh giảm diện tích còn: 9,50 ha (trong đó: 4,06ha LUC, 0,17ha RSX, 5,27ha đất khác).
II	Đất năng lượng																							
2	Đường dây điện 110KV đấu nối từ nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện tại xã Trám Thân, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ với hệ thống lưới điện quốc gia	0,28	0,04	0,01		0,07	0,10	0,06															Xã Trám Thân, Tiên Phú	Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND đã thông qua tên dự án: Đường dây 110kv đấu nối từ nhà máy Xử lý rác thải phát điện, tổng diện tích 0,24ha (trong đó: 0,05ha đất lúa; 0,07ha RSX, 0,12ha đất khác). Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 điều chỉnh tên dự án và điều chỉnh bổ sung tăng diện tích 0,04ha (trong đó: 0,03ha RSX; 0,01ha đất khác).

STT	Tên dự án	Diện tích (ha)	Lấy vào các loại đất																	Địa điểm	Căn cứ pháp lý						
			LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKC	SKS	CAN	DGT	DTL	DVH	ONT	ODT	TSC	NTD			CSD					
6	Tái định cư dự án: Cải tạo, gia cố và nâng cấp đường Âu Cơ	5,40	3,40		0,52	0,90	0,18	0,10						0,13	0,10						0,02					Xã Bảo Thanh, An Đạo, Bình Phú, Phù Ninh, Tiên Du	Kế hoạch đã duyệt 3,4 ha LUC; 0,52 ha HNK; 0,9 ha CLN; 0,18 ha RSX; 0,10 ha NTS; 0,15 ha DGT; 0,1 ha DTL; 0,05 ha CSD. Nay điều chỉnh lại theo thực tế.
7	Khu nhà ở xã hội	5,30		4,86	0,30																				Xã Bình Phú, huyện Phù Ninh	NQ số 16/2022/NQ-HĐND đã thông qua tên dự án: Đầu tư kinh doanh hạ tầng sản xuất công nghiệp và dịch vụ Cụm công nghiệp Từ Đà-An Đạo (Khu tái định cư, đất ở phân lô, nhà ở xã hội, thương mại và trường mầm non cụm công nghiệp). Nay điều chỉnh tên dự án theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	
VI	Đất ở đô thị																										
8	Khu nhà ở đô thị Trầm Quan	10,88	9,40	0,07	0,23	0,02								0,19	0,96										TT Phong Châu	NQ 06/2022/NQ-HĐND đã thông qua tên dự án: Điều chỉnh diện tích đất lúa dự án khu dân cư đô thị. Nay điều chỉnh tên dự án theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	
VII	Công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất																										
*	Đất thương mại, dịch vụ																										
9	Cửa hàng xăng dầu và kinh doanh vật liệu xây dựng	0,41	0,30	0,10																					Khu 2; Xã Liên Hoa	Kế hoạch đã duyệt 0,4 ha LUC; 0,01 ha DTL. Nay điều chỉnh lại theo thực tế.	